

Số: 93/2024/QĐST-DS

Rạch giá, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 08 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Quang Dũng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Đặng Ngọc Hải, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang. (Theo giấy uỷ quyền số 616/UQ-VCB-PC ngày 14/10/2021 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam).

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Nhan Trường Phúc, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang.(theo giấy uỷ quyền số 149/UQ-VCB-KG ngày 19/02/2024.

Bị đơn: Bà D, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 08 đường Lê Hồng Phong, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Bà D uỷ quyền cho ông Mai Hồng Hải, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp Khánh Hoà, xã Tân Khánh Hoà, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. (theo văn bản uỷ quyền số 05/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại Văn phòng công chứng Phú Quốc).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- ông Nhan Trường Phúc và ông Mai Hồng Hải thống nhất: Bà D còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam số tiền nợ **theo hợp đồng tín dụng số 0319/19/BD05/RG/963** ngày 24/4/2019 tạm tính đến ngày 08/8/2024 với tổng số tiền là 9.216.536.604 đồng (Chín tỷ hai trăm mười sáu triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng) trong đó nợ gốc là: 8.700.000.000 đồng; nợ lãi là: 516.536.604 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0167/21/BD05/RG/963 ngày 23/3/2021 với số tiền gốc và lãi là: 905.977.460 đồng (Chín trăm lẻ năm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc là 853.964.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 50.399.883 đồng và nợ lãi quá hạn là: 1.313.577 đồng. Tổng cộng gốc lãi tạm tính căn cứ trên 02 hợp đồng tín dụng là 10.122.514.064 đồng (trong đó nợ gốc là 9.553.964.000 đồng; nợ lãi là 568.550.064 đồng)

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và bà D thống nhất thời gian trả nợ cụ thể như sau: Đến hết ngày **08/12/2024** bà D sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam toàn bộ số tiền gốc và lãi của **hợp đồng tín dụng số 0319/19/BD05/RG/963** ngày 24/4/2019 tạm tính đến ngày 08/8/2024 với tổng số tiền là 9.216.536.604 đồng (Chín tỷ hai trăm mười sáu triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng) trong đó nợ gốc là: 8.700.000.000 đồng; nợ lãi là: 516.536.604 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0167/21/BD05/RG/963 ngày 23/3/2021 với số tiền gốc và lãi là: 905.977.460 đồng (Chín trăm lẻ năm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc là 853.964.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 50.399.883 đồng và nợ lãi quá hạn là: 1.313.577 đồng. Tổng cộng gốc lãi tạm tính căn cứ trên 02 hợp đồng tín dụng là 10.122.514.064 đồng (trong đó nợ gốc là 9.553.964.000 đồng; nợ lãi là 568.550.064 đồng).

- Trường hợp bà D không thanh toán số tiền **nêu trên** hoặc vi phạm bất kỳ thời gian và số tiền phải thanh toán nêu trên cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trong khoảng thời gian cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp do bà D đứng tên sở hữu là:

1. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 559908 số vào số CS141494 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28/4/2020 tại địa chỉ: Lô L33-19 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An

Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 544, tờ bản đồ số 59, diện tích 175,25m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 67,3m², diện tích sàn: 260,1m² do bà D đứng tên sở hữu.

2. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 559991 số vào số CS141665 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/5/2020 tại địa chỉ: Lô L34-18 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 541, tờ bản đồ số 59, diện tích 100m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 66m², diện tích sàn: 227,3m² do bà D đứng tên sở hữu.

3. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 559992 số vào số CS141666 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/5/2020 tại địa chỉ: Lô L34-19 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 543, tờ bản đồ số 59, diện tích 175,25m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 67,3m², diện tích sàn: 260,1m² do bà D đứng tên sở hữu.

4. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 872048 số vào số CS141688 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/5/2020 tại địa chỉ: Lô L35-01 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 239, tờ bản đồ số 67, diện tích 144,65m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 67,3m², diện tích sàn: 272,2m² do bà D đứng tên sở hữu.

5. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 872049 số vào số CS141687 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/5/2020 tại địa chỉ: Lô L35-02 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 254, tờ bản đồ số 67, diện tích 100m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 66m², diện tích sàn: 226,1m² do bà D đứng tên sở hữu.

6. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 872050 số vào số CS141801 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/5/2020 tại địa chỉ: Lô L35-03 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 255, tờ bản đồ số 67, diện tích 100m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 66m², diện tích sàn: 226,1m² do bà D đứng tên sở hữu.

7. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 872042 số vào số CS141713 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/5/2020 tại địa chỉ: Lô L36-01 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An

Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 238, tờ bản đồ số 59, diện tích 144,65m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 67,3m², diện tích sàn: 261m² do bà D đứng tên sở hữu.

8. Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 872046 số vào số CS141714 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/5/2020 tại địa chỉ: Lô L36-02 đường số 02, khu dân cư phường An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 240, tờ bản đồ số 59, diện tích 100m², nhà phố liền kề; cấp 3 (03 tầng); diện tích xây dựng: 66m², diện tích sàn: 266,1m² do bà D đứng tên sở hữu.

- Kể từ ngày 09/08/2024 nêu trên bị đơn- bà D còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí hòa giải thành: Bị đơn- bà D tự nguyện chịu án phí hòa giải thành theo quy định của pháp luật:

$[112.000.000 \text{ đ} + (0,1\% \times 6.133.514.064 \text{ đồng})]/2 = 59.061.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.843.000 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004491 ngày 10/04/2024 của Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự.

- Viện kiểm sát thành phố Rạch Giá

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

HUỲNH TẮT NGỌC TRẦN